

Chương 4. THỰC HÀNH VIẾT CÂU TRONG VĂN BẢN

1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. Giản yếu về câu

1.1.1. Khái niệm câu

Trong khi nói năng, người ta sử dụng các kết hợp từ theo quy tắc ngữ pháp để tạo câu. Hiện tại, có rất nhiều định nghĩa về câu, mỗi định nghĩa thể hiện một quan điểm khác nhau. Có thể chọn một cách hiểu về câu như sau:

Câu là đơn vị thông báo nhỏ nhất của lời nói, thường phản ánh một sự tình, có kiểu cấu trúc cú pháp nhất định và một ngữ điệu thể hiện.

1.1.2. Cấu trúc cú pháp

a. Thành phần nòng cốt

Câu có hai loại thành phần: thành phần nòng cốt và thành phần ngoài nòng cốt. Thành phần nòng cốt (còn gọi là thành phần chính) tạo nên khung cú pháp cơ bản, mang thông tin chính của câu, gồm chủ ngữ và vị ngữ.

- Chủ ngữ là thành phần nòng cốt biểu thị đối tượng (chủ thể) của hành động, quá trình, trạng thái, tính chất, quan hệ; có tính độc lập với các thành phần khác của câu và được xác định bởi vị ngữ. Ví dụ:

- (1) **Hắn** // *thu xếp đồ đạc rất vội vàng* (Nam Cao).
- (2) **Anh cùng em** // *sang bên kia cầu* (Phạm Tiến Duật).
- (3) **Gió thổi mạnh** // *làm cây rừng xào xạc* (Nguyễn Đình Thi).

- Vị ngữ là thành phần biểu thị hành động, trạng thái, quá trình, tính chất, quan hệ của sự vật được thể hiện qua chủ ngữ. Ví dụ:

- (1) *Mặt trời* // **mọc**.
- (2) *Cắm* // **đi một mình trong đêm** (Nguyễn Ngọc).
- (3) *Cái màu trắng của điệp* // **cũng là một sự sáng tạo góp phần vào kho tàng màu sắc của dân tộc trong hội họa** (Nguyễn Tuân).

b. Thành phần ngoài nòng cốt

Thành phần ngoài nòng cốt (còn gọi thành phần phụ) là thành phần ngữ pháp phụ thuộc vào toàn bộ nòng cốt câu, có tác dụng mở rộng nòng cốt câu nhằm bổ sung những chi tiết cần thiết

cho nòng cốt câu hoặc bổ sung cho câu một chức năng, một ý nghĩa tình thái nào đó. Thành phần ngoài nòng cốt gồm trạng ngữ, đề ngữ, giải thích ngữ, tình thái ngữ và chuyển tiếp ngữ.

- Trạng ngữ bổ sung các ý nghĩa về địa điểm, thời gian, cách thức, phương tiện, nguyên nhân, mục đích, điều kiện, v.v.. Ví dụ:

Để giành lấy thắng lợi, cách mạng nhất định do giai cấp công nhân lãnh đạo (Hồ Chí Minh). Trạng ngữ chỉ mục đích.

- Đề ngữ (khởi ngữ) có chức năng nêu sự vật, đối tượng, nội dung cần bàn bạc với tư cách là chủ đề của câu chứa nó. Ví dụ:

Quan, người ta sợ cái quy của quyền thế. Nghị Lại, người ta sợ cái uy của đồng tiền (Nguyễn Công Hoan).

- Tình thái ngữ (phụ ngữ tình thái) dùng để biểu thị ý nghĩa tình thái chủ quan (sự đánh giá của người nói đối với sự tình được nói đến trong câu, hoặc biểu thị mối quan hệ giữa người nói với người nghe). Ví dụ:

(1) **Có lẽ nào anh lại mê em** (Phạm Tiên Duật).

(2) **Con đến cửa cụ để kêu cụ một việc ạ** (Nam Cao).

- Giải thích ngữ (phụ chú ngữ) có tác dụng ghi chú thêm các chi tiết về thái độ, tình cảm, về nguồn gốc, v.v. làm cho người ta hiểu câu nói đúng hơn, rõ hơn. Ví dụ: **Cô bé nhà bên (có ai ngờ) cũng vào du kích** (Giang Nam).

- Chuyển tiếp ngữ (liên ngữ) thường mở đầu câu thực hiện chức năng chuyển tiếp ý giữa các câu, các đoạn văn. Ví dụ:

Tóm lại, cách mạng tháng Tám là vĩ đại.

1.1.3. Phân loại câu

a. Phân loại câu theo cấu trúc cú pháp

a1. **Câu đơn** là câu chỉ có một nòng cốt câu mà trong nòng cốt ấy không chứa một một kết cấu chủ vị nào khác. Ví dụ:

(1) **Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước // nhất định thắng lợi hoàn toàn.**

(2) **Hồ Chủ tịch, bằng thiên tài trí tuệ và sự hoạt động cách mạng của mình, // đã kịp thời đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử** (Phạm Văn Đồng).

a2. **Câu phức thành phần** là câu có chứa thêm kết cấu chủ vị trong nòng cốt (hoặc kết cấu chủ vị chỉ là một thành phần câu). Ví dụ:

(1) **Cách mạng tháng Tám thành công // đã tạo bước phát triển nhảy vọt cho cách mạng Việt Nam.** Chủ ngữ là một kết cấu chủ vị.

(2) *Tay cặp chiếc tráp, ông đồ // bước ra phòng* (Ngô Tất Tố). Giải thích ngữ là một kết cấu chủ vị.

a3. *Câu ghép* là loại câu có hai nòng cốt câu trở lên. Dựa vào hình thức và phương tiện liên kết các vế câu có thể phân chia câu ghép thành câu ghép có kết từ và câu ghép không có kết từ.

- Câu ghép không có kết từ (câu ghép chuỗi) là kiểu câu ghép không có quan hệ từ liên kết giữa các vế câu (dùng dấu câu, ngữ điệu). Ví dụ:

(1) *Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị* (Hồ Chí Minh).

(2) *Thuốc, ông giáo không hút; rượu, ông giáo không uống* (Nam Cao).

- Câu ghép có kết từ là kiểu câu ghép mà giữa các vế câu được liên kết với nhau bằng quan hệ từ hoặc từ hô ứng. Kiểu này gồm:

+ *Câu ghép đẳng lập* là câu ghép có các vế câu có quan hệ bình đẳng, không lệ thuộc nhau; các vế câu được liên kết bằng quan hệ từ đẳng lập. Ví dụ:

(1) *Một người đàn và một người hát.*

(2) *Xuân Diệu cần hồn nhiên thêm và Tế Hanh phải bớt tự nhiên đi* (CLV).

+ *Câu ghép chính phụ* là câu ghép mà giữa các vế câu có quan hệ phụ thuộc và được liên kết với nhau bằng quan hệ từ chính phụ. Ví dụ:

(1) *Trời mưa to nên đường làng rất lầy lội.*

(2) *Nếu thế hệ này chịu đau thì thế hệ sau nghe hát* (Chế Lan Viên).

+ *Câu ghép qua lại* là câu ghép dùng phụ từ, đại từ phiếm chỉ, từ hô ứng để liên kết các vế câu. Ví dụ:

(1) *Con có khóc mẹ mới cho bú.*

(2) *Ăn cây nào, rào cây ấy.*

b. *Phân loại câu theo mục đích nói*

b1. *Câu kể* (tường thuật) dùng để kể, miêu tả, thông báo về hoạt động, trạng thái, tính chất của sự vật, hoặc để thể hiện những nhận định của người nói/viết về một hiện tượng nào đó. Ví dụ: *Ở đây, không có chuyện người bóc lột người.*

b2. *Câu hỏi* (câu nghi vấn) thường được dùng để nêu điều chưa biết hoặc còn hoài nghi và chờ đợi sự trả lời, giải thích của người tiếp nhận. Câu nghi vấn thường dùng các các từ chỉ ý nghi vấn. Ví dụ: *Trong đêm, gì đẹp bằng sen?*

b3. *Câu mệnh lệnh* (câu cầu khiến) dùng để bày tỏ ý muốn nhờ vả hay bắt buộc người nghe thực hiện điều được nói trong câu. Câu mệnh lệnh thường được đánh dấu bằng các phụ từ mệnh lệnh. Ví dụ: *Anh hãy đọc mấy cuốn sách này!*

b4. *Câu cảm* (câu cảm thán) dùng để trực tiếp bộc lộ cảm xúc, hoặc những trạng thái tinh thần khác thường của người nói/viết đối với sự vật hay sự kiện mà câu đề cập đến. Câu cảm thường được đánh dấu bằng các từ cảm thán. Ví dụ: *Ô hay, bà cứ tưởng con đùa!*

1.2. Yêu cầu về viết câu trong văn bản

1.2.1. Yêu cầu về hình thức, cấu tạo

- Câu phải có một hình thức nhất định: khi nói, có ngữ điệu thể hiện; khi viết, mở đầu viết hoa, còn kết thúc bằng dấu ngắt câu (dấu chấm, dấu hỏi, dấu cảm).

- Câu có cấu tạo ngữ pháp nhất định, có một trật tự cú pháp phù hợp với quy tắc ngữ pháp tiếng Việt. Chẳng hạn: chủ ngữ đứng trước vị ngữ; các thành phần khác (nếu có) được sắp xếp theo trật tự logic - ngữ pháp (đề ngữ, liên ngữ đứng đầu câu, phần chú thích ngữ đặt cạnh thành phần liên quan, v.v.).

1.2.2. Yêu cầu về nội dung - ý nghĩa

Mỗi câu trong văn bản đều phải có nghĩa, có khả năng thông báo, nghĩa là phải thể hiện một tư tưởng, tình cảm, thái độ, v.v. của người viết/nói. Câu còn phải phù hợp với ngữ cảnh (với những câu xung quanh, với tình huống giao tiếp) và phù hợp với thực tại khách quan.

1.2.3. Yêu cầu về phong cách

Mỗi câu viết ra phải phù hợp với loại hình văn bản chứa nó. Chẳng hạn, câu trong văn bản khoa học khác với câu trong văn bản hành chính, văn bản nghệ thuật, v.v.. Câu ở dạng nói khác với câu ở dạng viết, câu trong văn bản khác với câu ở dạng độc lập.

2. LUYỆN VIẾT CÂU TRONG VĂN BẢN

2.1. Các thao tác viết câu trong văn bản

a. Xác định ý cho câu

Để viết một câu, trước tiên, ta cần phải xác định ý cho nó. Khi xác định ý của câu, cần làm nổi rõ một số nội dung sau đây:

- Câu định cung cấp thông tin gì, tức là nói đến hiện thực nào.
- Quan hệ của người viết, người nói với nội dung thông tin được phản ánh và với người đọc, người nghe như thế nào.

Ý của một câu, một mặt được xác định trong mối quan hệ với chủ đề của đoạn văn chứa câu đó, mặt khác, là một mắt xích trong mạng lưới các ý phục vụ cho chủ đề của văn bản. Khi xác

định được ý của câu rồi, phải cân nhắc xem, để diễn đạt ý ấy thì câu cần có mô hình (cấu tạo) như thế nào. Ý của câu cần diễn đạt bằng lời thích hợp.

b. Xác định lời của câu

Lời của câu chính là hình thức ngôn ngữ để thể hiện ý. Ý của câu phải được thể hiện bằng mô hình cấu tạo câu và kiểu câu theo mục đích nói nhất định. Phải ý nào lời ấy, nghĩa là, lời diễn đạt phải thể hiện được cấu trúc lôgic ngữ nghĩa của câu. Cấu tạo của lời phụ thuộc vào vai trò, vị trí của câu trong văn bản, phụ thuộc vào loại hình văn bản. Chẳng hạn, trong văn bản hành chính, câu tường thuật, câu cầu khiến thường được sử dụng, còn câu nghi vấn, câu cảm thán lại không được sử dụng. Kiểu câu phức tạp thành phần, gồm nhiều bậc, thể hiện các kiểu quan hệ nhân - quả, điều kiện - kết quả lại được sử dụng rộng rãi trong văn bản khoa học.

c. Tiến hành viết câu

- Viết câu xét theo cấu trúc (câu đơn, câu phức thành phần, câu ghép).
- Viết câu theo mục đích nói (câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu cảm).
- Sử dụng các phép liên kết để kết nối các câu trong đoạn văn và văn bản.

d. Kiểm tra câu

Sau khi viết câu phải kiểm tra để xác định các loại lỗi có thể mắc phải. Nếu có lỗi, phải tiến hành sửa chữa, điều chỉnh để đảm bảo câu đúng và hay.

2.2. Biến đổi câu trong văn bản

2.2.1. Lí do biến đổi câu

- Trong văn bản, câu là một tạo tố có quan hệ gắn bó với các câu khác để hình thành chuỗi câu (đoạn văn) và văn bản. Bởi vậy, một câu nào đó thường dựa vào câu trước và câu sau nó để có cách thể hiện phù hợp với nội dung và cấu tạo. Hay nói cách khác, các câu trong văn bản thường chi phối nhau về mặt cấu tạo và ý nghĩa.

- Khi cần nhấn mạnh một thành phần nội dung nào đó trong câu, người viết có thể đưa lên đầu câu để gây sự chú ý, hoặc chuyển đổi vị trí của các thành phần câu.

- Có khi, cần tăng cường nhịp điệu cho câu văn, người ta cũng biến đổi câu.

2.2.2. Các kiểu biến đổi câu thường gặp

a. Chuyển đổi câu

- *Chuyển đổi vị trí của thành phần câu*: thành phần chính và thành phần phụ.

+ Chuyển đổi vị trí thành phần chính: chủ ngữ - vị ngữ. Ví dụ:

(1) *Giết ai thứ văn chương ấy.*

(2) *Bạc phơ mái tóc Người Cha (Tố Hữu).*

(3) Trong cái hang tối tăm bản thủ ấy, sống một đời khôn nạn những người gây gò, rách rưới (Thạch Lam).

(4) Lát sau thống lí Patra bước vào. Theo sau thống lí là một lũ thống quán, xéo phải (Tô Hoài).

+ Chuyển đổi thành phân phụ. Ví dụ:

(1) Cửa ông bướm này đây tuần tháng mật (Xuân Diệu).

(2) Cùng lắm nó có giờ quẻ, hấn cũng chỉ đến đi ở tù. Ở tù thì hấn coi như thường (Nam Cao).

- Chuyển đổi kiểu câu

+ Chuyển câu chủ động thành câu bị động và ngược lại. Ví dụ:

(1) Nhà trường khen em. → Em được nhà trường khen.

(2) Các nhà khai thác lần khách hàng luôn quan tâm hàng đầu đến cước phí điện thoại. → Cước phí điện thoại luôn được quan tâm hàng đầu đối với các nhà khai thác lần khách hàng.

+ Chuyển đổi câu trực tiếp thành câu gián tiếp và ngược lại. Ví dụ:

(1) Mẹ bảo: “Con ở nhà”. → Mẹ bảo con ở nhà.

(2) Ông Bồng bảo: “Chị Thủy luộc cho tôi con gà, nấu hộ tôi nồi xôi (Nguyễn Huy Thiệp).
→ Ông Bồng bảo chị Thủy luộc cho tôi con gà, nấu hộ tôi nồi xôi.

+ Chuyển đổi cách diễn đạt

Cùng một nội dung nào đó có thể diễn đạt bằng những cách khác nhau, những cách thể hiện khác nhau (có tính đồng nghĩa). Ví dụ:

(1) Cốc nước chỉ còn một nửa. → (1) Cốc nước đã vơi đi một nửa. (2) Chỉ còn nửa cốc nước nữa thôi. (3) Một nửa cốc nước vẫn còn đầy thôi, v.v..

(2) Hãy đóng cái cửa! → (1) Có thể đóng giùm cái cửa được không? (2) Cửa mở lạnh quá nhỉ!

b. Tách, ghép và tỉnh lược câu

- Tách câu

Tách câu không phải là việc sử dụng ngôn ngữ tùy tiện mà là sự biến đổi câu trong văn bản. Tách câu là nhằm để nhấn mạnh ý, dồn gánh nặng thông báo vào một bộ phận nào đấy của câu. Về nguyên tắc, các thành phần trong câu, khi cần thiết và với những điều kiện nhất định đều có thể tách ra thành một phát ngôn riêng biệt để làm nổi bật nội dung thông báo mà nó biểu thị. Cụ thể:

+ Tách vị ngữ thành câu riêng. Ví dụ:

(1) *Nguyễn Bình làm thơ thật nhiều. Và sống bằng thơ* (Hoài Thanh).

(2) *Trăng lên. Cong vút và kiêu bạc ở một góc trời* (Nguyễn Thị Thu Huệ).

+ Tách định ngữ thành một câu riêng. Ví dụ:

Đêm mùa xuân. Trời trong và lạnh.

+ Tách bổ ngữ thành một câu riêng. Ví dụ:

Huấn đi về trạm máy kéo. Một mình trong đêm (Nguyễn Khải).

+ Tách một vế trong câu ghép thành một câu riêng. Ví dụ:

(1) *Chúng ta chủ trương học nước ngoài. Nhưng phải học trên tinh thần độc lập tự chủ* (Hồ Chí Minh).

(2) *Chúng ta chống bệnh chủ quan, chống bệnh hẹp hòi, đồng thời chống thói ba hoa. Vì ba thứ đó thường đi với nhau* (Hồ Chí Minh).

- Ghép câu

Ghép câu là hình thức ngược lại với tách câu, là việc nhập nhiều câu thành một câu. Ví dụ:

(1) *Chị Thuận nấu cơm cho anh em ăn, làm người chị nuôi tần tảo; chị chăm sóc anh em ốm và bị thương, làm người hộ lí dịu dàng* (Trường Chinh).

Câu trên có thể tách thành hai câu đơn: *Chị Thuận nấu cơm cho anh em ăn, làm người chị nuôi tần tảo. Chị chăm sóc anh em ốm và bị thương, làm nười hộ lí dịu dàng.*

(2) *Hương Khê về tiết tháng hai, hoa bưởi nở trắng các vườn nhà, một mùi thơm nhẹ nhẹ láng láng lan tỏa những dặm đường dài, uớt giấc ngủ con người trong một làn hương man mác* (Bùi Hiển).

Câu trên có thể tách thành hai câu đơn: *Hương Khê về tiết tháng hai, hoa bưởi nở trắng các vườn nhà. Một mùi thơm nhẹ nhẹ láng láng lan tỏa những dặm đường dài, uớt giấc ngủ con người trong một làn hương man mác.*

- Tinh lược

Tinh lược là hiện tượng lược bỏ một thành phần nào đó đã có ở câu trước, không cần thiết phải lặp lại ở câu sau để tránh sự thừa dư (do hoàn cảnh nói năng cho phép). Ví dụ:

(1) *Điền khuôn đủ bốn chiếc ghé ra sân. Vợ bé con nhỏ ngồi một chiếc. Con lớn một chiếc. Còn một chiếc, Điền dùng để gác chân* (Nam Cao).

(2) *Cắm được nhìn ông cụ duy nhất một lần, một lần dài suốt một năm. Thế mà bây giờ còn tiếc mãi, tiếc mãi* (Nguyễn Ngọc).

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH MỤC 1, 2 CHƯƠNG 4

* **Phản thảo luận và thực hành tại lớp**

1. Nêu những đặc điểm của câu tiếng Việt (xét về cấu trúc cú pháp).
2. Những lưu ý khi viết câu trong văn bản.
3. Vì sao câu trong văn bản có hiện tượng biến đổi? Nêu tác dụng của sự chuyển đổi câu trong văn bản?
4. Phân tích cấu tạo ngữ pháp và phân loại các câu trong đoạn văn dưới đây:

Chúng ta mang nặng cả một dĩ vãng hơn 10 thế kỉ bị phong kiến phương Bắc đô hộ và hơn tám mươi năm dưới ách thực dân Pháp. Chúng ta phải cố gắng dân tộc hóa lời nói và câu văn của chúng ta đi, nhưng Việt hóa cho đúng cách. Cuộc kháng chiến này làm cho ta ghét cay ghét đắng những thói lai căng, mất gốc, theo đuôi người. Đây là một dịp rất tốt cho ta gột rửa đầu óc và văn chương của ta. Chúng ta phải cách mạng lời nói và cách viết của chúng ta hơn nữa. Phải kiên quyết bảo vệ tiếng mẹ đẻ theo gương của Hồ Chủ tịch.

(Trùng Chinh)

5. Nhận xét các câu văn dưới đây:

a. Nếu như khối óc nhà văn không có những luồng sáng bất bình, nếu như tâm hồn kẻ cầm bút không cảm thấy những nỗi đau đớn, thiếu thốn của kiếp người, những điều mong muốn thiết tha của thời đại, nếu không lĩnh hội được tính cách luôn luôn biến thiên của thế giới, của nhân sinh, nếu như đối với hiện tại, với tương lai không có một yêu cầu, một hi vọng tin tưởng gì thì cái thứ văn môn trơn béo tốt như dầy thịt, trơn như tảng trán hói của nhà trường giả, cũng chỉ là “văn chơi” mà thôi, chẳng có ý nghĩa gì là văn học.

(Đặng Thai Mai)

b. Năm tháng trôi qua nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính chất thời đại sâu sắc.

(Báo cáo chính trị)

c. Điền cũng chẳng muốn lấy bốn cái ghế tí nào. Cũng mang tiếng là ghế mây! Cái thì xộc xệch, cái thì bốn chân rúm lại và chẳng cái nào nước sơn không tróc cả.

(Nam Cao)

d. Đối với ai, Vịnh cũng ân cần, dịu dàng như thế. Cả đối với những khách ăn cù nhảy.

(Nguyễn Hồng)

e. Tôi với con mẹ nó có phải chị em gì đâu. Cả thằng chồng nó nữa.

(Nguyễn Hồng)

g. Có khi bà lại khóc hờ con. Nghe rộn cả người. (Nam Cao)

6. Xác định các cách biến đổi câu, nêu tác dụng của sự biến đổi trong các trường hợp dưới đây.

a. Hội ấy, dưới trời Âu đang họp chợ, vàng thau còn lẫn lộn.

b. Đã hết thời, thứ nghệ thuật khéo léo phấn son mà bên trong mục ruỗng, nghèo nàn (Nguyễn Đình Thi).

c. Vấn đề này được bàn thảo nhiều lần ở hội nghị cán bộ phường rồi.

d. Ông giáo ấy, thuốc không hút, rượu không uống.

e. Bà Hà ghét vợ chồng anh xe ra mặt. Nhất là chị vợ. (Nam Cao)

g. Chúng tôi được nghe một câu chuyện đời thường. Ngoài hai mươi năm về trước.

h. Người đội áo to. Người nón lá (Nguyễn Đình Thi).

i. Hai ba người đuổi theo nó. Rồi ba bốn người, sáu bảy người.

(Nguyễn Công Hoan)

k. Viết và nói có nhiên phải vắn tắt. Song trước hết phải có nội dung, phải chữa cho hết bệnh nói dài, viết rỗng (Hồ Chủ tịch).

l. Bỗng từ đằng cuối bãi tiến lại hai đứa bé. (Tô Hoài)

m. Trời xanh, biển xanh, sóng biêng biếc xanh.

n. Đó là một nghề đi nhiều, thấy rộng. Gắn gũi với thiên nhiên. (Đỗ Bảo Châu)

p. Sáng ra em mở cửa phòng, thấy cảnh cây ướt đẫm sương khuya, em lại nhớ một bản nhạc. Và em hát.

q. Chị cười. Cái cười của một người quen chịu đựng chỉ hé một nửa.

* Phần tự học ở nhà

1. Phân tích tác dụng của những cách biến đổi câu dưới đây:

a. Mẹ Sáu gắn bó đời mình với cách mạng bằng nhiều thứ. Chồng con, đất đai, máu thịt. (Anh Đức)

b. Những cuộc vui ấy, chị còn nhớ rành rành.

c. Đến nơi. Nó dừng lại. Chờ. Nhưng chờ gì? Bao giờ vắng người. Vắng người thì bà hàng khoai cũng về. Thế là hóc. (Nguyễn Công Hoan)

d. Con người ta có thể trong sáng đến thế! Tận tụy đến thế! Dũng cảm đến thế!

(Nguyễn Khải)

e. Anh Nam bị xéп phê bình.

2. Đảo trật tự các thành phần của các câu dưới đây rồi so sánh với câu gốc để thấy sự khác nhau về sắc thái của chúng.

a. Tuổi hai mươi của chúng ta sẽ còn mãi.

b. Nó thừa thông minh nhưng lại thiếu mất lòng kiên nhẫn.

c. Nghỉ ngơi là một nhu cầu của con người sau lúc làm việc vất vả.

d. Vậy mà giấu tiền ở đâu?

3. Viết một văn bản ngắn về chủ đề phương pháp học ở đại học. Chỉ rõ các kiểu câu đã được sử dụng (xét theo mục đích nói và cấu trúc cú pháp).

3. CÁC LOẠI LỖI THƯỜNG GẶP VỀ CÂU

3.1. Lỗi về cấu tạo ngữ pháp

Câu mắc lỗi về cấu tạo ngữ pháp là câu viết không đúng quy tắc ngữ pháp. Chẳng hạn, câu *Theo đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân xã cho biết số người đến tuổi lao động ở địa phương là 1200* là câu sai ngữ pháp, vì thiếu chủ ngữ. Cần bỏ từ *theo*, hoặc từ *cho biết* thì sẽ là câu đúng. Câu đúng là: a/ *Đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân xã cho biết số người đến tuổi lao động ở địa phương là 1200*; b/ *Theo đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân xã, số người đến tuổi lao động ở địa phương là 1200*.

Nếu viết *Tình cảm của Bác Hồ đối với non sông đất nước* cũng là sai ngữ pháp, vì câu thiếu vị ngữ (*Tình cảm đó như thế nào?*). Nếu viết *Tình cảm của Bác Hồ đối với non sông đất nước thật là mãnh liệt và sâu sắc* là câu đúng quy tắc ngữ pháp. Câu sai ngữ pháp thường gặp là:

a. Thiếu thành phần chính

a1. Thiếu chủ ngữ

Ví dụ: (1) *Bằng bốn câu thơ tuyệt tác của Nguyễn Du đã thể hiện rõ nét tâm trạng của Thúy Kiều*.

(2) *Trong đại hội đã bầu ra một ban chấp hành mới*.

Các câu (1), (2) đều thiếu chủ ngữ. Câu (1), nếu bỏ từ *bằng*, hoặc từ *của* thì sẽ là câu đúng: a/ *Bốn câu thơ tuyệt tác của Nguyễn Du đã thể hiện rõ nét tâm trạng của Thúy Kiều*; b/ *Bằng bốn câu thơ tuyệt tác, Nguyễn Du đã thể hiện rõ nét tâm trạng của Thúy Kiều*. Câu (2) có hai